

người bị hại không được vượt quá số chênh lệch giá đã bị tịch thu đối với từng vụ việc và thực nộp vào tài khoản tạm giữ. Trường hợp không hoàn lại thì thực hiện nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3.4. Đối với toàn bộ số tiền xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả nêu tại tiết 2.1, điểm 2 Mục I Thông tư này thu về được ngân sách nhà nước để lại để hỗ trợ hoạt động thanh tra trong lĩnh vực giá cả.

Trên cơ sở số tiền xử phạt hành chính thực nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc nhà nước (trừ các khoản thu nêu tại tiết 2.2, 2.3 và 2.4 điểm 2 Mục I) và đề nghị của đơn vị xử lý vi phạm, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trưởng Phòng Tài chính huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phân phối số tiền xử phạt hành chính theo định kỳ hàng tháng hoặc theo từng vụ việc cho đơn vị đã tham gia xử lý vi phạm để hỗ trợ cho hoạt động thanh tra trong lĩnh vực giá cả.

Căn cứ quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản tạm giữ về tài khoản đơn vị được hưởng và theo dõi việc quản lý và sử dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 52/TC-CSTC ngày 12 tháng 9 năm 1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính và Thông tư số 63/TC-CSTC ngày 11 tháng 9 năm 1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số điểm của Thông tư số 52/TC-CSTC ngày 12 tháng 9 năm 1996 của Bộ Tài chính.

4. Hạch toán, kế toán và quyết toán.

Các đơn vị tham gia xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả phải mở sổ sách kế toán để theo dõi các khoản thu, nộp từ xử phạt vi phạm hành chính hướng dẫn tại Thông tư này; theo dõi việc tiếp nhận, sử dụng và quyết toán kinh phí từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả; lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định về quản lý tài chính, kế toán hiện hành.

Các đơn vị Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện hạch toán thu nộp và chi trả các khoản kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả theo đúng Mục lục Ngân sách nhà nước và chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những vụ việc vi phạm hành chính đã phát hiện nhưng chưa xử lý tính đến ngày có hiệu lực của Thông tư này thì giải quyết theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các ngành, các cấp kịp thời báo cáo về Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

KT. Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ
Phó Trưởng ban

NGUYỄN NGỌC VINH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 07/2001/TT-BLĐTBXH
ngày 13/3/2001 hướng dẫn sửa đổi
về việc phân cấp giải quyết chế
độ sau khi giám định lại thương
tật đối với người bị thương.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế;

Căn cứ ý kiến thỏa thuận của Bộ Y tế tại Văn bản số 1156/YT-ĐTtr ngày 20 tháng 2 năm 2001;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi về việc phân cấp giải quyết chế độ sau khi giám định lại thương tật đối với người bị thương quy định tại tiết a, điểm 4, Mục B Phần I Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2000 như sau:

4. Giải quyết chế độ sau khi giám định lại thương tật:

a) Đối với người quy định tại điểm 1 Mục B: nếu sau khi giám định lại vẫn ở mức dưới 21% thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lưu giữ biên bản giám định thương tật, không thực hiện khoản trợ cấp 1 lần. Nếu sau khi giám định lại được xác định tỷ lệ thương tật từ 21% trở lên thì Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định điều chỉnh trợ cấp thương tật và lập bản trích lục hồ sơ thương tật.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký, đóng dấu bản trích lục hồ sơ thương tật của từng người để chuyển về Bộ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao cho Cục Thương binh - Liệt sỹ và Người có công tổ chức lưu trữ bản trích lục hồ sơ thương tật của thương binh do các địa phương bàn giao; đồng thời đối chiếu với danh sách đề nghị giám định lại thương tật đã thẩm định (quy định tại điểm 3 Mục B Phần I Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT) để đăng ký số giấy chứng nhận thương binh và thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, giải quyết quyền lợi cho thương binh theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001 và thay thế tiết a, điểm 4, Mục B, Phần I Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2000 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế.

Quá trình thực hiện, có vướng mắc đề nghị các địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

**THÔNG TƯ số 15/2001/TT-BNN-PCLB
ngày 23/2/2001 hướng dẫn lập đơn
giá và chế độ dự toán công tác
tu bổ đê điều sử dụng lao động
nông nhân.**

Để thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 889/CP-NN ngày 29/9/2000 về việc cho phép Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sử dụng lao động nông nhân trong công tác tu bổ đê điều hàng năm. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập đơn giá và chế độ dự toán công tác tu bổ đê điều được sử dụng lao động nông nhân như sau:

1. Định mức ngày công lao động nông nhân.

Định mức ngày công lao động nông nhân trong công tác xây dựng, tu bổ (bao gồm cả công việc duy tu bảo dưỡng) đê, kè, cống thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn áp dụng theo Quyết định số 1199/QĐ-XDCB ngày 02/7/1994 của Bộ Thủy lợi (cũ) và Quyết định số 818/QĐ-XDCB ngày 09/5/1997 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.